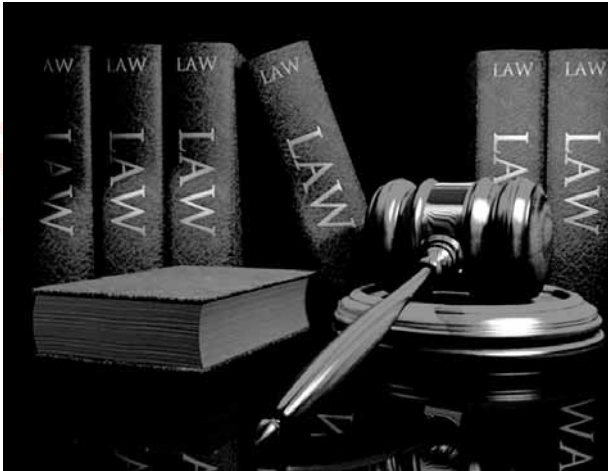


## BÀI 5: THỰC HIỆN PHÁP LUẬT, VI PHẠM PHÁP LUẬT VÀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ



### Nội dung

- Thực hiện pháp luật.
- Vi phạm pháp luật
- Trách nhiệm pháp lý.

### Mục tiêu

- Giúp học viên hiểu được các khái niệm thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý.
- Học viên nắm được các yếu tố cấu thành vi phạm pháp luật
- Trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về các loại trách nhiệm pháp lý.

### Thời lượng học

- 10 tiết học

### Hướng dẫn học

Để học tốt bài này, học viên cần:

- Đảm bảo giờ học theo đúng lịch trình.
- Tích cực thảo luận trong quá trình học tập.
- Đọc các tài liệu sau:
  - Giáo trình pháp luật đại cương của chương trình TOPICA.
  - Giáo trình Lý luận nhà nước và pháp luật, Đại học Luật Hà Nội.
  - Một số trang web theo yêu cầu đọc thêm.

**ĐỘI MŨ BẢO HIỂM CÀI QUAI SAU GÁY SẼ BỊ XỬ PHẠT**

Đối với những người đội mũ bảo hiểm không cài quai hoặc cài quai phía sau gáy là thể hiện ý thức không chấp hành pháp luật và có thể coi đó là hành vi chống đối, cần phải xử phạt nghiêm theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/5, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đảm bảo TTATGT trên đường Võ Thị Sáu, tổ CSGTTT Công an quận Ngô Quyền (Hải Phòng) đã phát hiện và lập biên bản đối với ông Trần Việt Đức trú tại 133A, Chùa Hàng, Lê Chân, Hải Phòng điều khiển xe mô tô BKS 16H9-2557 vi phạm "Đội mũ bảo hiểm cài quai phía sau gáy là không đúng quy định", tạm giữ đăng ký xe để xử lý.

Liên quan đến trường hợp này sau đó ông Đức đã có đơn khiếu nại với nội dung: Không công nhận việc cài quai mũ bảo hiểm phía sau gáy khi điều khiển xe mô tô tham gia giao thông là vi phạm Luật GTĐB. Nếu sai thì vi phạm ở khoản nào? Điểm nào của Luật GTĐB?

Để giải đáp những băn khoăn trên của ông Đức, phóng viên Báo CAND đã có cuộc trao đổi với Thượng tá Trần Sơn - Phó trưởng Phòng Hướng dẫn Luật và Điều tra xử lý tai nạn giao thông - Cục CSGT Đường bộ - Đường sắt, Bộ Công an.

Thượng tá Trần Sơn khẳng định: Nghị quyết 32/CP và Luật GTĐB đã quy định tất cả mọi người ngồi trên mô tô, xe gắn máy phải đội mũ bảo hiểm. Thông tư số 23/2008 của Bộ Công an hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 146/CP cũng đã quy định rõ: Người điều khiển, người ngồi trên mô tô, xe máy khi tham gia giao thông đội mũ bảo hiểm nhưng không cài quai thì coi như không đội mũ bảo hiểm và bị xử phạt đối với hành vi không đội mũ bảo hiểm. Việc đội mũ bảo hiểm là nhằm phòng ngừa và tránh chấn thương sọ não khi có tai nạn giao thông hoặc va chạm giao thông xảy ra nhằm đảm bảo an toàn cho chính người tham gia giao thông.

Chính vì vậy, việc đội mũ bảo hiểm phải đạt được các yêu cầu: Mũ phải đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng, đội mũ phải cài quai đúng quy cách. Trên thực tế, nếu cài quai không đúng quy cách như cài quá lỏng hoặc quá chặt thì việc đội mũ không có tác dụng và khi tai nạn, va chạm xảy ra sẽ dẫn đến chấn thương gây nguy hiểm đến tính mạng. Như vậy, việc đội mũ bảo hiểm phải cài quai là quy định của pháp luật. Đối với những người đội mũ bảo hiểm không cài quai hoặc cài quai phía sau gáy là thể hiện ý thức không chấp hành pháp luật và có thể coi đó là hành vi chống đối, cần phải xử phạt nghiêm theo quy định của pháp luật.

Giải thích thêm về vấn đề này, Thượng tá Trần Sơn cho rằng: Khi sản xuất các sản phẩm mũ bảo hiểm, các nhà sản xuất đã đưa ra những hướng dẫn về quy cách sử dụng. Việc đội mũ bảo hiểm nhưng không cài quai mũ bảo hiểm phía sau gáy thì không có tác dụng và coi như không cài quai.

Theo báo Công an nhân dân điện tử. Xem tại trang web: <http://www.cand.com.vn/vi-VN/phapluat/tuvanphapluat/2009/7/116639.cand>

Tình huống trên cho ta chú ý về quy định của pháp luật đối với việc đội mũ bảo hiểm khi đi mô tô, xe máy như sau: *Người điều khiển, người ngồi trên mô tô, xe máy khi tham gia giao thông đội mũ bảo hiểm nhưng không cài quai thì coi như không đội mũ bảo hiểm và bị xử phạt đối với hành vi không đội mũ bảo hiểm.* Như vậy, việc người tham gia giao thông bằng mô tô, xe máy đội mũ bảo hiểm là người đó đã chấp hành pháp luật. Tuy nhiên, việc đội mũ không đúng cách khiến cho họ bị coi là vi phạm quy định của pháp luật và khi đó họ sẽ phải gánh chịu những hậu quả bất lợi là bị cảnh sát giao thông xử phạt hành chính. Vậy, khi nào một hành vi được coi là thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và khi nào chủ thể của hành vi ấy phải chịu trách nhiệm pháp lý. Bài học này sẽ giúp bạn trả lời những câu hỏi trên.

## 5.1. Thực hiện pháp luật

### 5.1.1. Khái niệm thực hiện pháp luật

#### 5.1.1.1. Định nghĩa và đặc điểm của thực hiện pháp luật

- **Định nghĩa thực hiện pháp luật**

Pháp luật được ban hành nhằm định ra khuôn mẫu và quy tắc xử sự cho các thành viên trong cộng đồng. Bởi vậy, pháp luật cần phải được thực hiện trên thực tế nhằm biến ý chí của Nhà nước thành hiện thực. Nếu hoạt động ban hành pháp luật để quản lý xã hội được gọi là xây dựng pháp luật thì một yếu tố không thể thiếu, đi liền với nó là thực hiện pháp luật. Chỉ khi nào hai hoạt động này gắn kết với nhau thì pháp luật mới phát huy được hiệu quả của nó. Khi pháp luật được thực hiện trên thực tế tức là đã Nhà nước đã thực hiện điều chỉnh bằng pháp luật đối với các quan hệ xã hội. Và như vậy, xét về phương diện cơ chế điều chỉnh pháp luật thì thực hiện pháp luật trở thành một giai đoạn quan trọng trong cơ chế này.

*Thực hiện pháp luật là hoạt động có mục đích nhằm hiện thực hóa các quy định của pháp luật, làm cho chúng đi vào cuộc sống, trở thành những hành vi thực tế hợp pháp của các chủ thể pháp luật.*

- **Đặc điểm của thực hiện pháp luật**

Với cách hiểu như trên, thực hiện pháp luật có các đặc điểm sau:

- Thực hiện pháp luật là hành vi hợp pháp của các chủ thể pháp luật. Mục đích của việc thực hiện pháp luật là để hiện thực hóa, làm cho các quy định của pháp luật đi vào cuộc sống. Chính vì vậy, chỉ những hành vi hợp pháp mới được coi là thực hiện pháp luật. Những hành vi vi phạm pháp luật không nhằm mục đích trên mà ngược lại phá vỡ các chuẩn mực, quy tắc do pháp luật định ra, làm cho pháp luật không được tôn trọng. Khi đó chủ thể thực hiện hành vi vi phạm pháp luật sẽ bị truy cứu trách nhiệm pháp lý do không thực hiện pháp luật. Tóm lại, mọi hoạt động của các chủ thể phù hợp với quy định của pháp luật đều được coi là thực hiện pháp luật.
- Thực hiện pháp luật được tiến hành bởi nhiều chủ thể với nhiều cách thức khác nhau. Đặc điểm này xuất phát từ đặc điểm thứ nhất khi khẳng định rằng mọi hành vi hợp pháp của các chủ thể đều là thực hiện pháp luật. Nói cách khác, chủ thể thực hiện pháp luật có thể là cá nhân, pháp nhân, tổ chức, công chức hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền... Hơn nữa, thực hiện pháp luật có thể được tiến hành thông qua hành vi xử sự thụ động hoặc chủ động của các chủ thể pháp luật, chẳng hạn như một doanh nghiệp chủ động thực hiện nghĩa vụ kê khai và nộp thuế theo quy định của Luật Doanh nghiệp, một người mặc dù đang có công việc rất gấp nhưng kiềm chế không đi vượt đèn đỏ hoặc Sở Kế hoạch đầu tư cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Tất cả những hoạt động trên dù là chủ động hay thụ động (kiềm chế), dù được thực hiện bởi cá nhân, pháp nhân hay cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đều là việc làm cho các quy định của pháp luật được thực hiện trên thực tế.



**Hình minh họa**

### 5.1.1.2. Các hình thức thực hiện pháp luật

Một trong các đặc điểm của thực hiện pháp luật là được tiến hành bởi nhiều chủ thể với những phương thức khác nhau. Dựa vào tính chất của từng hoạt động và chủ thể thực hiện các hoạt động đó thì có bốn hình thức thực hiện pháp luật, cụ thể là tuân thủ pháp luật, thi hành pháp luật, sử dụng pháp luật và áp dụng pháp luật.

- **Tuân thủ pháp luật** là hình thức thực hiện pháp luật trong đó các chủ thể pháp luật kiểm chế, không tiến hành các hoạt động mà pháp luật cấm. Ví dụ một người công chức từ chối nhận tiền hối lộ từ một doanh nghiệp tức là người công chức đó đã tuân thủ pháp luật.
- **Thi hành pháp luật** (còn gọi là chấp hành pháp luật) là hình thức thực hiện pháp luật trong đó các chủ thể pháp luật chủ động thực hiện các nghĩa vụ của mình. Ví dụ, hành động một người nhặt được của rơi và đã chủ động trả lại cho chủ sở hữu tài sản đó hoặc mang đến nộp cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền được coi là thi hành pháp luật bởi người này đã thực hiện nghĩa vụ hoàn trả tài sản chiếm hữu không có căn cứ pháp luật theo quy định tại Điều 599 Bộ luật Dân sự năm 2005.
- **Sử dụng pháp luật** là hình thức thực hiện pháp luật trong đó các chủ thể pháp luật thực hiện quyền chủ thể của mình. Ví dụ, một người trước khi chết để lại di chúc hiến cơ thể mình cho bệnh viện để phục vụ mục đích chữa bệnh hoặc nghiên cứu khoa học tức là người này đã sử dụng pháp luật để thực hiện quyền hiến bộ phận cơ thể theo quy định tại Điều 33 Bộ luật Dân sự 2005.
- **Áp dụng pháp luật** là hình thức thực hiện pháp luật trong đó nhà nước thông qua các cơ quan có thẩm quyền tổ chức cho các chủ thể pháp luật thực hiện các quy định của pháp luật hoặc ban hành quyết định làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt các quan hệ pháp luật cụ thể. Ví dụ, cảnh sát giao thông ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với người đi vào đường ngược chiều. Như vậy, cảnh sát giao thông đã nhân danh Nhà nước ban hành quyết định xử phạt hành chính và quyết định này làm phát sinh quan hệ pháp luật hành chính giữa Nhà nước với người có hành vi vi phạm.



**Áp dụng pháp luật**

Áp dụng pháp luật là một hình thức thực hiện pháp luật đặc biệt, chỉ được tiến hành bởi các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, trong khi các hình thức thực hiện pháp luật khác có thể được tiến hành bởi mọi chủ thể pháp luật. Chính vì đặc điểm này nên áp dụng pháp luật phải được tiến hành với những thủ tục chặt chẽ để tránh sự lạm quyền từ phía các cơ quan Nhà nước khi áp dụng pháp luật.

### 5.1.2. Áp dụng pháp luật

#### 5.1.2.1. Đặc điểm của áp dụng pháp luật

Áp dụng pháp luật là một hình thức thực hiện pháp luật đặc biệt, thể hiện ở các đặc điểm dưới đây:

- **Áp dụng pháp luật là hoạt động mang tính quyền lực Nhà nước.** Tính quyền lực Nhà nước trong hoạt động áp dụng pháp luật thể hiện ở chỗ hoạt động này chỉ do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tiến hành và khi đó cơ quan Nhà nước nhân danh Nhà nước để thực thi quyền lực của mình. Hơn nữa, áp dụng pháp luật được



tiến hành chỉ căn cứ vào các quy định của pháp luật, tức là dựa trên ý chí đơn phương của Nhà nước mà không có sự thỏa thuận như trong giao lưu dân sự. Cuối cùng, tính quyền lực Nhà nước trong áp dụng pháp luật còn thể hiện ở chỗ quyết định áp dụng pháp luật có hiệu lực bắt buộc thi hành đối với các chủ thể, nếu không Nhà nước bằng quyền lực của mình sẽ cưỡng chế thi hành văn bản đã có hiệu lực pháp luật.

- **Áp dụng pháp luật là hoạt động có thủ tục chặt chẽ được pháp luật quy định.** Đặc điểm này xuất phát từ lý do áp dụng pháp luật chỉ được tiến hành bởi các chủ thể đặc biệt, nhân danh quyền lực Nhà nước. Chính vì vậy, nếu pháp luật không quy định một trình tự, thủ tục chặt chẽ có thể sẽ dẫn đến hệ quả là hoặc các cơ quan Nhà nước không thể áp dụng được pháp luật do chông chéo về thẩm quyền hoặc cơ quan



**Hình minh họa**

Nhà nước sẽ lạm quyền, lạm quyền khi áp dụng pháp luật. Các quy định của Bộ luật Tổ tụng hình sự, Bộ luật Tổ tụng dân sự, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính, Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án hành chính và các quy định pháp luật khác chính là cơ sở pháp lý về mặt thủ tục cho việc áp dụng pháp luật của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- **Áp dụng pháp luật là hoạt động mang tính sáng tạo.** Pháp luật có tính ổn định tương đối nhưng các quan hệ xã hội thì không ngừng vận động và biến đổi. Hoạt động áp dụng pháp luật đòi hỏi các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phải phân tích được các điều kiện, hoàn cảnh cũng như tình tiết của quan hệ xã hội đồng thời hiểu được các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống thực tế một cách chính xác, khách quan và công bằng. Điều này đòi hỏi trong hoạt động của mình các chủ thể áp dụng phải có tính sáng tạo và có kiến thức pháp luật. Tuy nhiên, sự sáng tạo ở đây được đặt trong khuôn khổ và phải phù hợp với các quy định của pháp luật. Nói cách khác việc áp dụng pháp luật không cứng nhắc nhưng theo quy định của pháp luật.
- **Áp dụng pháp luật là hoạt động mang tính cá biệt cho từng quan hệ xã hội nhất định.** Quy phạm pháp luật là các quy tắc xử sự chung và được áp dụng cho mọi trường hợp đã được dự liệu trong phần giả định của quy phạm đó. Khi pháp luật được áp dụng trên thực tế thì nó gắn với từng trường hợp cụ thể, ví dụ xử phạt hành chính đối với hành vi lấn chiếm lòng đường, vỉa hè, cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn... Chính vì vậy, áp dụng pháp luật mang tính cá biệt và các mệnh lệnh trong quyết định áp dụng pháp luật phải phù hợp với quy định chung được nêu trong quy phạm pháp luật.

#### **5.1.2.2. Các trường hợp áp dụng pháp luật**

Hoạt động áp dụng pháp luật được tiến hành bởi các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong các trường hợp sau:

- **Khi cần truy cứu trách nhiệm pháp lý hoặc áp dụng biện pháp cưỡng chế đối với những chủ thể nhất định.** Trường hợp này xảy ra khi một chủ thể có hành vi vi phạm và bị truy cứu trách nhiệm pháp lý như trách nhiệm hình sự, hành chính, dân sự... Ví dụ: Một người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản bị xét xử theo quy

định của pháp luật thì việc các cơ quan Nhà nước ban hành các quyết định đối với anh ta như quyết định khởi tố bị can, quyết định khởi tố bị cáo, bản án của Tòa án được coi là hoạt động áp dụng pháp luật. Ngoài ra còn có trường hợp cơ quan Nhà nước áp dụng biện pháp cưỡng chế ngay cả đối với chủ thể có hành vi vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm pháp lý. Chẳng hạn, người chưa thành niên nhưng trên 14 tuổi nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp vặt, lừa đảo nhỏ, đánh bạc nhỏ, gây rối trật tự công cộng mặc dù đã được giáo dục tại xã, phường, thị trấn nhưng vẫn không sửa chữa thì có thể bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ra quyết định đưa vào trường giáo dưỡng.

- **Khi giải quyết tranh chấp giữa các chủ thể pháp luật.** Trường hợp này xảy ra khi các chủ thể của quan hệ pháp luật có tranh chấp nhưng họ không tự giải quyết được mà phải nhờ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết. Chẳng hạn Tòa án giải quyết tranh chấp về quyền tác giả đối với một tác phẩm nào đó hoặc tranh chấp về phân chia di sản thừa kế... Lúc này, bản án của Tòa được coi là văn bản áp dụng pháp luật trong việc giải quyết tranh chấp giữa các chủ thể.
- **Khi những quyền và nghĩa vụ pháp lý của chủ thể không mặc nhiên phát sinh nếu thiếu sự can thiệp của Nhà nước.** Trường hợp này xảy ra trong một số trường hợp như cơ quan Nhà nước ra quyết định tuyển dụng công chức vào làm việc hoặc cơ quan Nhà nước ra quyết định thay đổi họ, tên của một người nào đó theo quy định của Điều 27 Bộ luật Dân sự năm 2005. Ở hai ví dụ này, quyền lao động, quyền thay đổi họ, tên là những quyền của công dân đã được pháp luật ghi nhận. Tuy nhiên, những quyền này chỉ thực sự phát sinh nếu được sự công nhận bởi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, tức là với sự công nhận đó thì những quyền này mới được thực hiện trên thực tế. Việc cơ quan Nhà nước căn cứ vào các quy định của pháp luật để ban hành những quyết định nói trên chính là hoạt động áp dụng pháp luật.

Khi Nhà nước can thiệp vào một quan hệ pháp luật nào đó hoặc Nhà nước thực hiện xác nhận sự tồn tại hay không tồn tại của các sự việc thực tế. Sự tham gia của Nhà nước trong trường hợp này thường được biểu hiện dưới dạng cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chứng thực các giao dịch dân sự, chứng sinh, chứng tử, cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản... Chẳng hạn như Nhà nước cần phải tham gia vào quan hệ mua bán nhà giữa các chủ thể theo quy định tại Điều 450 Bộ luật Dân sự năm 2005, theo đó “Hợp đồng mua bán nhà ở phải được lập thành văn bản, có chứng nhận của công chứng hoặc chứng thực, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”.

### 5.1.2.3. Quá trình áp dụng pháp luật

Áp dụng pháp luật là một quá trình phức tạp, bao gồm nhiều giai đoạn khác nhau. Khi các giai đoạn này được tuân thủ nghiêm ngặt thì sẽ nâng cao hiệu quả của toàn bộ quá trình áp dụng pháp luật. Quá trình áp dụng pháp luật bao gồm 4 bước như sau:

- **Thứ nhất**, phân tích, đánh giá điều kiện, hoàn cảnh, tình tiết của sự việc thực tế. Đây là giai đoạn đầu tiên của quá trình áp dụng pháp luật. Trong giai đoạn này, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phải trả lời những câu hỏi sau: Sự việc xảy ra có phải là một quan hệ pháp luật hay không? Nếu có thì chủ thể nào có thẩm quyền giải quyết? Sau khi phân tích, đánh giá tình tiết của sự việc thì phải khẳng định xem có cần tiến hành áp dụng pháp luật đối với trường hợp này không? Chẳng hạn

trong những ngày đầu tiên áp dụng quy định bắt buộc đội mũ bảo hiểm khi đi xe máy, với những người không chấp hành quy định này, cảnh sát giao thông chỉ thực hiện nhắc nhở mà chưa tiến hành xử phạt, tức là không áp dụng pháp luật đối với người có hành vi vi phạm. Trong trường hợp thấy cần thiết phải áp dụng pháp luật thì chuyển sang giai đoạn tiếp theo.

- **Thứ hai**, lựa chọn quy phạm pháp luật phù hợp và phân tích làm sáng rõ nội dung của quy phạm pháp luật đối với trường hợp cần áp dụng. Trong giai đoạn này các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phải trả lời những câu hỏi sau: Vụ việc xảy ra chịu sự điều chỉnh của quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực nào (hành chính, hình sự, hay dân sự...). Trong lĩnh vực đó những quy định pháp luật nào còn hiệu lực?



**Hình minh họa**

Nội dung của những quy định pháp luật này có phù hợp để áp dụng với sự việc thực tế đang xảy ra hay không? Chẳng hạn như một người có hành vi cố ý gây thương tích cho người khác thì tùy tính chất nguy hiểm của hành vi mà xử lý hành chính hay hình sự. Để xác định được xử lý theo hình thức nào buộc các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phải phân tích nội dung vụ việc và nội dung các quy định pháp luật có liên quan để áp dụng pháp luật cho chính xác.

- **Thứ ba**, ban hành văn bản áp dụng pháp luật.

Văn bản áp dụng pháp luật chỉ được ban hành trên cơ sở của việc phân tích kỹ các tình tiết của vụ việc cũng như các quy định của pháp luật. Chỉ có như vậy thì văn bản áp dụng pháp luật mới được chủ thể “tâm phục khẩu phục”.

Mặc dù cũng do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành nhưng khác với văn bản quy phạm pháp luật – là văn bản chứa đựng các quy tắc xử sự chung và được áp dụng nhiều lần trên thực tế, văn bản áp dụng pháp luật chỉ được áp dụng một lần, cho từng trường hợp cụ thể. Chẳng hạn, quyết định tháo dỡ nhà xây trái phép chỉ áp dụng cho một chủ thể nhất định. Nếu có nhiều nhà xây dựng trái phép thì phải ban hành quyết định cho từng trường hợp.

Văn bản áp dụng pháp luật là văn bản pháp lý cá biệt, mang tính quyền lực do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, tổ chức xã hội được Nhà nước ủy quyền ban hành trên cơ sở những quy phạm pháp luật nhằm xác định các quyền và nghĩa vụ pháp lý của các chủ thể hoặc xác định biện pháp trách nhiệm pháp lý đối với chủ thể vi phạm pháp luật.

Như vậy, văn bản áp dụng pháp luật thể hiện mệnh lệnh, thái độ của Nhà nước đối với các vụ việc nhất định. Tuy nhiên, mệnh lệnh này phải phù hợp với các quy định chung được thể hiện trong các quy phạm pháp luật. Nói cách khác, văn bản áp dụng pháp luật khi được ban hành phải thỏa mãn các yêu cầu sau:

- Tính hợp pháp, theo đó văn bản áp dụng pháp luật phải được ban hành bởi chủ thể có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Chẳng hạn Tòa án nhân dân cấp huyện xét xử các tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp tỉnh thì bản án được tuyên là không hợp pháp. Hơn nữa, văn bản áp dụng pháp luật còn phải được ban hành theo đúng thể thức, tên gọi, đúng trình tự theo quy định của pháp luật đồng thời phải chỉ rõ cơ sở pháp lý để ban hành văn bản đó. Nói cách khác, văn bản áp dụng pháp luật phải dựa trên và phải phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.



- Phù hợp với thực tế vụ việc đã phát sinh, theo đó chủ thể áp dụng pháp luật phải căn cứ vào các tình tiết thực tế của vụ việc để áp dụng các quy định pháp luật cho chính xác. Văn bản áp dụng pháp luật phải chỉ ra được các tình tiết của vụ việc thuộc vào các tình huống đã được nêu trong phần giả định của quy phạm pháp luật. Chỉ như vậy thì việc áp dụng pháp luật mới phù hợp với thực tế vụ việc đã phát sinh.
- Có khả năng thực hiện trên thực tế, theo đó văn bản áp dụng pháp luật khi được ban hành phải tính đến tính khả thi tức là phải phù hợp với các điều kiện về kỹ thuật, tổ chức, phương tiện vật chất... Nếu không tính đến yếu tố này thì văn bản áp dụng pháp luật sẽ khó được thi hành trên thực tế hoặc có thi hành thì cũng không đạt hiệu quả cao.

Văn bản áp dụng pháp luật là một dạng của văn bản pháp luật, tuy nhiên không giống văn bản quy phạm pháp luật, văn bản áp dụng pháp luật mang tính chất cá biệt, chỉ được áp dụng một lần cho một đối tượng nhất định. Văn bản áp dụng pháp luật chỉ được ban hành và phải phù hợp với quy định của văn bản quy phạm pháp luật.

- **Thứ tư**, tổ chức thực hiện văn bản áp dụng pháp luật đã ban hành. Đây là giai đoạn cuối cùng của quá trình áp dụng pháp luật, có vai trò quyết định đến việc thi hành các quyết định áp dụng pháp luật. Việc tổ chức thực hiện văn bản áp dụng pháp luật thể hiện qua các công việc như tổng đạt văn bản cho các bên có liên quan, giám sát việc thi hành các văn bản đó và trong trường hợp cần thiết có thể cưỡng chế thi hành văn bản áp dụng pháp luật.

#### 5.1.2.4. Áp dụng pháp luật tương tự

- **Định nghĩa áp dụng pháp luật tương tự**

Cuộc sống luôn vận động và biến đổi trong khi các quy định của pháp luật mang tính ổn định tương đối. Chính vì vậy, sẽ có tình huống nảy sinh là các quan hệ xã hội mới phát sinh trong khi không có quy phạm pháp luật điều chỉnh. Để có thể thực hiện điều chỉnh bằng pháp luật đối với các quan hệ xã hội thì giải pháp cho vấn đề này là áp dụng pháp luật tương tự. Tuy nhiên, áp dụng pháp luật tương tự chỉ được thực hiện với những đòi hỏi hết sức nghiêm ngặt và trong những điều kiện cụ thể nhất định để đảm bảo tính thống nhất, khách quan và công bằng của pháp luật.

*Áp dụng pháp luật tương tự là hoạt động giải quyết một vụ việc cụ thể trong trường hợp chưa có quy phạm pháp luật trực tiếp điều chỉnh trên cơ sở sử dụng quy phạm pháp luật áp dụng cho tình huống có nội dung tương tự hoặc sử dụng những nguyên tắc chung và ý thức pháp luật về sự công bằng và lẽ phải.*

- **Các hình thức áp dụng pháp luật tương tự**

Theo định nghĩa trên áp dụng pháp luật tương tự có thể được thực hiện dưới hai hình thức như sau:

- Một là sử dụng các quy phạm pháp luật áp dụng cho tình huống có nội dung tương tự để giải quyết vụ việc thực tế đang đặt ra. Trường hợp này được gọi là áp dụng tương tự quy phạm pháp luật.
- Hai là sử dụng những nguyên tắc chung và ý thức pháp luật về sự công bằng và lẽ phải để giải quyết vụ việc thực tế đang đặt ra. Trường hợp này được gọi là áp dụng tương tự pháp luật.



### • Điều kiện áp dụng pháp luật tương tự

Điều 4 Bộ luật Dân sự năm 2005 cũng thừa nhận việc áp dụng pháp luật tương tự như sau: “Trong trường hợp pháp luật không quy định và các bên không có thỏa thuận thì có thể áp dụng tập quán, nếu không có tập quán thì áp dụng quy định tương tự của pháp luật. Tập quán và quy định tương tự của pháp luật không được trái với những nguyên tắc quy định trong Bộ luật này”. Như vậy, đối với các giao lưu dân sự, việc áp dụng pháp luật tương tự chỉ được thực hiện nếu thỏa mãn các điều kiện sau:

- Thứ nhất, không có quy định của pháp luật và các bên cũng không có thỏa thuận liên quan đến vấn đề đang đặt ra cần giải quyết.
- Thứ hai, không có tập quán để giải quyết vụ việc nói trên.
- Thứ ba, các quy định tương tự của pháp luật không được trái với những nguyên tắc được quy định trong Bộ luật Dân sự năm 2005.

Ngoài ba điều kiện trên thì thực tế cho thấy rằng việc áp dụng pháp luật tương tự chỉ được tiến hành đối với những vụ việc có ảnh hưởng lớn đến quyền, lợi ích của Nhà nước, của xã hội hoặc cá nhân. Đối với những vụ việc không quá quan trọng thì không cần thiết phải áp dụng pháp luật tương tự để giải quyết bởi vì hoạt động này dễ tạo ra sự tùy tiện và thiếu chính xác.

Điểm đáng lưu ý nữa là áp dụng tương tự pháp luật chỉ được thực hiện nếu không thể áp dụng tương tự quy phạm pháp luật do không tồn tại quy phạm pháp luật tương tự.

Đối với lĩnh vực hình sự và hành chính, việc áp dụng pháp luật tương tự chỉ được thực hiện khi trong các văn bản pháp luật có quy định về vấn đề này.

Để hạn chế đến mức tối đa việc áp dụng pháp luật tương tự thì khi ban hành pháp luật, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phải chú ý đến tính đầy đủ và chặt chẽ trong nội dung phần giả định của quy phạm pháp luật. Phần giả định là yếu tố quyết định đến việc có hay không phải áp dụng pháp luật tương tự.

## 5.2. Vi phạm pháp luật

### 5.2.1. Khái niệm vi phạm pháp luật

Nghiên cứu về vi phạm pháp luật chúng ta xem xét tình huống thực tế với một số giả định sau đây:

#### MỘT SỐ TÌNH HUỐNG VỀ VI PHẠM PHÁP LUẬT

Tình huống thực tế: Bờ rào nhà anh X có điện, anh Y chạm phải và bị điện giật chết. Tình huống này xảy ra vào năm anh X 40 tuổi.

Các giả định:

- **Trường hợp 1:** Do vườn nhà có nhiều chuột phá hoại hoa màu nên buổi đêm X kéo điện ra bờ rào với mục đích để diệt chuột nhưng không may Y vô tình chạm phải dẫn đến cái chết.
- **Trường hợp 2:** Con trai anh X 13 tuổi. Do tò mò nên khi bố mẹ đi vắng cháu làm thí nghiệm kéo điện ra bờ rào nhà mình. Sau đó cháu quên không ngắt điện, Y vô tình chạm phải và bị điện giật chết.
- **Trường hợp 3:** X mắc chứng hoang tưởng nên khi người nhà đi vắng anh đã kéo điện ra bờ rào dẫn đến cái chết của Y.
- **Trường hợp 4:** Do có tranh chấp đất đai với nhà hàng xóm và để chống lại lời đe dọa của nhà bên cạnh sẽ nhổ hàng rào nhà anh để đòi lại đất, X đã kéo điện ra bờ rào nhà mình. Thực hiện lời đe dọa, Y ra nhổ hàng rào thì bị điện giật chết.

Trong những trường hợp trên, trường hợp nào có hành vi vi phạm pháp luật xảy ra? Cả bốn trường hợp đều dẫn đến chết người do nhà anh X có hành vi kéo điện ra bờ rào. Điều đó cho thấy đây là hành vi trái pháp luật. Tuy nhiên, hành vi này đã phải là vi phạm pháp luật hay chưa thì cần phải xem xét các yếu tố khác.

- **Trong trường hợp thứ nhất**, mục đích của X là diệt chuột nhưng anh ta chắc chắn nhận thức được rằng kéo điện ra bờ rào có thể dẫn đến chết người nếu ai đó vô tình chạm phải. Do đó, X không thực hiện công việc này vào ban ngày mà làm vào ban đêm vì anh ta tin rằng buổi đêm không có ai đi lại nên sẽ không thể xảy ra chết người. Tuy nhiên, sự tự tin của X không loại trừ trách nhiệm pháp lý của anh ta vì lỗi của anh ta lúc này là vô ý do quá tự tin.
- **Trong trường hợp thứ hai**, con trai X đã có hành vi trái pháp luật, tuy nhiên cháu mới 13 tuổi nên chưa phải chịu trách nhiệm pháp lý. Hành vi của cháu không cấu thành vi phạm pháp luật nhưng bố mẹ cháu phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Y.
- **Trong trường hợp thứ ba**, X bị bệnh tâm thần không có khả năng nhận thức, điều khiển được hành vi của mình nên hành vi của anh ta không cấu thành vi phạm pháp luật.
- **Trong trường hợp thứ tư**, X nhận thức được hậu quả nguy hiểm do hành vi của mình gây ra nhưng vẫn cố tình thực hiện. Anh ta có thể không mong muốn dẫn đến cái chết của bất cứ ai mà mục đích chỉ là ngăn chặn hàng xóm lấy đất nhà mình. Tuy nhiên, anh ta đã bỏ mặc cho hậu quả xảy ra dù thế nào cũng được. X đã có lỗi cố ý gián tiếp trong trường hợp này và hành vi của anh ta đủ yếu tố cấu thành vi phạm pháp luật.

Qua những phân tích ở trên cho thấy không phải là hành vi trái pháp luật cũng là vi phạm pháp luật. Để khẳng định có vi phạm pháp luật xảy ra hay không cần phải xem xét các yếu tố về khả năng nhận thức, độ tuổi cũng như lỗi của chủ thể thực hiện hành vi trái pháp luật. Chỉ khi nào những yếu tố này được chứng minh đầy đủ trên thực tế thì mới khẳng định có hành vi vi phạm pháp luật. Từ đó chúng ta đi đến định nghĩa như sau: *Vi phạm pháp luật là hành vi trái pháp luật, có lỗi do chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện, xâm hại các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.*

Định nghĩa này cho thấy, bốn yếu tố cơ bản nhất để cấu thành vi phạm pháp luật bao gồm hành vi trái pháp luật (mặt khách quan), lỗi (mặt chủ quan), năng lực trách nhiệm pháp lý (chủ thể) và quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ (khách thể). Những yếu tố cấu thành vi phạm pháp luật này sẽ được nghiên cứu kỹ ở phần sau.

### 5.2.2. Các loại vi phạm pháp luật

Dựa vào các tiêu chí khác nhau mà vi phạm pháp luật được phân thành các loại khác nhau.

- **Căn cứ vào mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi vi phạm thì có hai loại vi phạm pháp luật là tội phạm và vi phạm pháp luật không phải là tội phạm**

Theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành thì tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hoá, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tự do, tài sản, các

quyền, lợi ích hợp pháp khác của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Như vậy, chỉ những hành vi nguy hiểm cho xã hội nào được quy định trong Bộ luật Hình sự mới bị coi là tội phạm. Đây là những hành vi có mức độ nguy hiểm cao nhất nên phải bị áp dụng các biện pháp trách nhiệm pháp lý nghiêm khắc nhất. Những hành vi phạm pháp luật không thuộc loại này được gọi là vi phạm pháp luật không phải là tội phạm. Chẳng hạn như bán hàng lấn chiếm lòng đường, vỉa hè, mượn tài sản nhưng không trả, mua bán hàng hóa nhưng không thanh toán tiền hàng theo hợp đồng...



**Hình minh họa**

• **Căn cứ vào ngành luật và các chế định pháp luật có thể chia vi phạm pháp luật thành các loại sau:**

- Vi phạm hình sự, còn được gọi là tội phạm như đã phân tích ở trên.
- Vi phạm hành chính là hành vi do cá nhân hoặc tổ chức thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, vi phạm các quy định của pháp luật về quản lý Nhà nước mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật bị xử phạt hành chính.
- Vi phạm dân sự là những hành vi trái pháp luật, có lỗi, xâm hại tới những quan hệ tài sản, quan hệ nhân thân có liên quan tới tài sản và quan hệ phi tài sản.
- Vi phạm kỷ luật là những hành vi trái pháp luật, có lỗi xâm hại tới những quy tắc xác lập trật tự trong nội bộ tổ chức, cơ quan, đơn vị...

**5.2.3. Cấu thành vi phạm pháp luật**

Một hành vi chỉ bị coi là vi phạm pháp luật nếu có đầy đủ các yếu tố cấu thành nó. Có bốn yếu tố cấu thành vi phạm pháp luật, đó là mặt khách quan, mặt chủ quan, chủ thể và khách thể của vi phạm pháp luật.

• **Mặt khách quan của vi phạm pháp luật**

Mặt khách quan của vi phạm pháp luật là những biểu hiện ra bên ngoài của vi phạm pháp luật. Những biểu hiện này bao gồm hành vi trái pháp luật, hậu quả do hành vi trái pháp luật gây ra và mối quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm và hậu quả thực tế.

- Hành vi trái pháp luật là hành vi của chủ thể không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các quy định của pháp luật, có thể tồn tại dưới dạng hành động hoặc không hành động. Dấu hiệu đầu tiên để nhận biết hành vi vi phạm pháp luật là tính trái pháp luật của nó. Ví dụ một doanh nghiệp không giao hàng đúng hạn như đã thỏa thuận trong hợp đồng với đối tác thì việc chậm giao hàng trước hết là hành vi trái quy định của pháp luật dân sự về thời hạn thực hiện hợp đồng mua bán. Tuy nhiên, đây sẽ không phải là hành vi vi phạm pháp luật nếu việc giao hàng chậm là do tình huống bất khả kháng như gặp thiên tai, lũ lụt khiến cho phương tiện vận chuyển không thể hoạt động được. Như vậy, tính trái pháp luật chỉ là điều kiện cần của vi phạm pháp luật, do đó muốn xác định một hành vi có phải là vi phạm pháp luật hay không còn phải xem xét các yếu tố cấu thành khác như mặt chủ quan, chủ thể và khách thể của hành vi. Hơn nữa, vi phạm pháp luật luôn luôn tồn tại dưới dạng hành vi (hành động



hoặc không hành động), những gì còn tồn tại trong suy nghĩ, tư tưởng thì không bị coi là vi phạm pháp luật.

- Hậu quả do hành vi trái pháp luật gây ra là những thiệt hại đã xảy ra hoặc có khả năng xảy ra trên thực tế. Mức độ nguy hiểm của hành vi trái pháp luật được xác định phụ trên cơ sở tính chất và mức độ thiệt hại gây ra hoặc có khả năng gây ra cho xã hội của hành vi đó.

Trong số các yếu tố trên, tính trái pháp luật của hành vi là yếu tố luôn phải xem xét khi xác định cấu thành vi phạm pháp luật. Các yếu tố về hậu quả và mối quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm và hậu quả không nhất thiết phải xác định trong mọi trường hợp. Trường hợp nào phải xác định đủ cả ba yếu tố nói trên là do pháp luật quy định. Tuy nhiên, ngay cả trong trường hợp pháp luật không yêu cầu xác định hậu quả và mối quan hệ giữa hành vi vi phạm và thiệt hại thực tế thì những yếu tố này vẫn có ý nghĩa trong việc xác định mức độ nặng nhẹ của các hậu quả bất lợi mà một chủ thể phải gánh chịu khi truy cứu trách nhiệm pháp lý.

### • **Mặt chủ quan của vi phạm pháp luật**

Mặt chủ quan của vi phạm pháp luật là những biểu hiện tâm lý bên trong của chủ thể vi phạm pháp luật, bao gồm các yếu tố lỗi, động cơ và mục đích vi phạm.

- Lỗi là trạng thái tâm lý của chủ thể đối với hành vi trái pháp luật của mình và hậu quả do hành vi đó mang lại. Lỗi của chủ thể được biểu hiện dưới hai hình thức: Lỗi cố ý và lỗi vô ý.

- *Lỗi cố ý* là trường hợp một chủ thể nhận thức rõ hành vi của mình sẽ gây ra hậu quả nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn thực hiện và mong muốn hoặc tuy không mong muốn nhưng để mặc cho hậu quả xảy ra.

Trong trường hợp chủ thể nhận thức rõ hành vi của mình sẽ gây ra hậu quả nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn thực hiện và mong muốn hậu quả đó xảy ra thì được xác định là *lỗi cố ý trực tiếp*. Ví dụ: Sau khi đánh X bị ngã xuống đường, Y tiếp tục dùng dao đâm nhiều nhát vào người X cho đến khi X chết rồi bỏ đi. Trường hợp này Y có lỗi cố ý trực tiếp bởi anh ta đã thấy được hành vi của mình sẽ dẫn đến hậu quả chết người nhưng vẫn thực hiện hành vi và mong muốn hậu quả đó xảy ra trên thực tế.

Trong trường hợp chủ thể nhận thức rõ hành vi của mình sẽ gây ra hậu quả nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn thực hiện hành vi mặc dù không mong muốn nhưng để mặc cho hậu quả xảy ra thì được xác định là *lỗi cố ý gián tiếp*. Ví dụ, A mới mua xe ô tô phân khối lớn và muốn thể hiện chiếc xe đó trên đường phố nên đã điều khiển xe phóng nhanh, lạng lách dẫn đến va chạm với B là người đi xe máy cùng chiều, khiến cho B bị tử vong. A có lỗi cố ý gián tiếp bởi vì anh ta nhận thức rõ hành vi lái xe của mình có thể gây nguy hiểm cho người khác nhưng vẫn thực hiện hành vi đó với mong muốn để thể hiện chiếc xe của mình mà bất chấp hậu quả xảy ra.



**Xử lý vi phạm pháp luật giao thông**



- *Lỗi vô ý* là trường hợp một chủ thể thấy trước hành vi của mình có thể gây ra hậu quả nguy hiểm cho xã hội nhưng cho rằng thiệt hại sẽ không xảy ra hoặc có thể ngăn chặn được hoặc chủ thể không thấy trước hành vi của mình có khả năng gây ra hậu quả nguy hiểm cho xã hội mặc dù phải biết hoặc có thể biết trước.

Trong trường hợp chủ thể thấy trước hành vi của mình có thể gây ra hậu quả nguy hiểm cho xã hội nhưng cho rằng thiệt hại sẽ không xảy ra hoặc có thể ngăn chặn được thì gọi là *lỗi vô ý do quá tự tin*. Chẳng hạn như một người đi săn thú, khi bắn đạn không trúng con thú mà trúng vào người đang làm rẫy gần đó. Người thợ săn bị xác định có lỗi vì anh ta biết rằng khi bắn súng có thể bị lạc đạn nhưng tin rằng khả năng đó không xảy ra.



**Tai nạn giao thông**

Điểm khác biệt cơ bản giữa lỗi vô ý do quá tự tin với lỗi cố ý gián tiếp là ở chỗ trong trường hợp lỗi vô ý do quá tự tin, chủ thể thực hiện hành vi xác định có hai khả năng hoặc là có hậu quả xảy ra hoặc là không. Tuy nhiên, sau đó chủ thể đã tin chắc rằng sẽ không xảy ra hậu quả gì. Đối với lỗi cố ý gián tiếp, chủ thể thực hiện hành vi cũng xác định có hai khả năng hoặc là có hậu quả xảy ra hoặc là không nhưng để mặc cho hậu quả xảy ra thế nào cũng được.

Trong trường hợp chủ thể không thấy trước hành vi của mình có khả năng gây ra hậu quả nguy hiểm cho xã hội mặc dù phải biết hoặc có thể biết trước thì gọi là *lỗi vô ý do cấu thả*. Chẳng hạn như người bác sĩ phẫu thuật để quên dụng cụ y tế trong cơ thể bệnh nhân khiến cho bệnh nhân bị nhiễm trùng và tử vong. Vị bác sĩ này có lỗi bởi vì với vị trí nghề nghiệp người này phải biết rằng sự bất cẩn của anh ta sẽ gây nguy hiểm đến tính mạng bệnh nhân.

- Động cơ là yếu tố thúc đẩy chủ thể thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Yếu tố động cơ không nhất thiết phải xác định trong mọi trường hợp mà chủ yếu có ảnh hưởng đến việc xác định vi phạm pháp luật với tư cách là tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ khi áp dụng các biện pháp trách nhiệm pháp lý.
- Mục đích vi phạm là kết quả cuối cùng mà trong suy nghĩ của mình chủ thể mong muốn đạt được khi thực hiện hành vi vi phạm. Mục đích không phải là yếu tố bắt buộc phải xác định trong mọi trường hợp nhưng đôi khi đây là yếu tố để phân biệt các vi phạm pháp luật khác nhau. Nói cách khác, cùng một hành vi nhưng nhằm đến các mục đích khác nhau thì sẽ cấu thành các vi phạm pháp luật khác nhau. Chẳng hạn cùng là hành vi xuất cảnh trái phép nhưng nếu có mục đích chống chính quyền nhân dân thì cấu thành tội trốn đi nước ngoài nhằm chống chính quyền nhân dân. Nhưng nếu không có mục đích này thì cấu thành tội xuất cảnh trái phép.

### • Chủ thể của vi phạm pháp luật

*Chủ thể của vi phạm pháp luật là những cá nhân hoặc tổ chức có năng lực trách nhiệm pháp lý mà theo quy định của pháp luật họ phải chịu trách nhiệm đối với hành vi trái pháp luật của mình.*

Năng lực trách nhiệm pháp lý là khả năng một chủ thể phải gánh chịu những hậu quả bất lợi theo quy định của pháp luật khi thực hiện hành vi trái pháp luật. Thông thường chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý thì cũng có năng lực hành vi. Tuy nhiên, không phải mọi trường hợp chủ thể có năng lực hành vi thì sẽ có năng lực trách nhiệm pháp lý. Chẳng hạn, theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 thì người từ đủ 6 tuổi đến dưới 18 tuổi được coi là có năng lực hành vi dân sự hạn chế, có thể tham gia vào các giao dịch phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày phù hợp với lứa tuổi. Tuy nhiên, Điều 606 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định năng lực chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh khi cá nhân đủ 15 tuổi. Người dưới 15 tuổi gây thiệt hại thì cha mẹ phải bồi thường thay. Như vậy, người dưới 15 tuổi khi thực hiện hành vi gây thiệt hại cho người khác thì hành vi đó không bị coi là vi phạm pháp luật. Việc bồi thường của cha mẹ trong trường hợp này chỉ nhằm mục đích bù đắp những tổn thất đã phát sinh chứ không phải là truy cứu trách nhiệm pháp lý đối với người có hành vi trái pháp luật.

Yếu tố thường được sử dụng để xác định năng lực trách nhiệm pháp lý của chủ thể là độ tuổi và khả năng nhận thức. Mỗi loại quan hệ pháp luật khác nhau có những tiêu chí xác định năng lực trách nhiệm pháp lý khác nhau. Chẳng hạn, độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự là 14 đến 16 tuổi đối với những tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm. Tuy nhiên, nếu những người này mắc bệnh tâm thần hoặc các bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi thì cũng không phải chịu trách nhiệm pháp lý.

Tóm lại, nếu chủ thể thực hiện hành vi trái pháp luật nhưng không có năng lực trách nhiệm pháp lý thì hành vi của họ không cấu thành vi phạm pháp luật.

- **Khách thể của vi phạm pháp luật**

Khách thể của vi phạm pháp luật là những quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ nhưng bị hành vi trái pháp luật xâm hại. Nói cách khác, một hành vi xâm hại các quan hệ đạo đức, tôn giáo... có thể bị xã hội lên án kịch liệt nhưng nếu quan hệ xã hội đó không được pháp luật bảo vệ (chẳng hạn pháp luật chưa có quy định về vấn đề đó) thì không bị coi là vi phạm pháp luật. Ví dụ: Theo truyền thống đạo đức của người Việt Nam, những người nhỏ tuổi khi chuyển cho người lớn tuổi hơn mình một vật gì đó phải đưa bằng hai tay để thể hiện sự lễ phép. Tuy nhiên, đây không phải là quy định bắt buộc của pháp luật. Vì vậy, nếu một người không thực hiện đúng khuôn mẫu này thì không bị coi là vi phạm pháp luật bởi quan hệ lễ giáo đó không được pháp luật bảo vệ, nên không phải là khách thể của vi phạm pháp luật.

Khách thể càng quan trọng thì tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi càng lớn và làm tăng hậu quả mà chủ thể vi phạm phải gánh chịu.

Khách thể của vi phạm pháp luật khác với khách thể của quan hệ pháp luật. Sự khác biệt thể hiện ở chỗ đối với các vi phạm pháp luật thì khách thể bị xâm hại chính là các quan hệ pháp luật, còn đối với các quan hệ pháp luật thì khách thể của nó là những lợi ích mà các bên chủ thể hướng tới khi tham gia vào một quan hệ cụ thể.

### 5.3. Trách nhiệm pháp lý

#### 5.3.1. Khái niệm trách nhiệm pháp lý

- **Định nghĩa trách nhiệm pháp lý**

Theo nghĩa thông thường thuật ngữ “trách nhiệm” được hiểu theo ba nghĩa. Thứ nhất, trách nhiệm được hiểu là bổn phận của một người đối với người khác. Chẳng hạn như trách nhiệm của cha mẹ đối với con cái và ngược lại, trách nhiệm của công dân đối với Tổ quốc. Thứ hai, trách nhiệm được hiểu đồng nhất với nghĩa vụ, tức là một chủ thể phải thực hiện những yêu cầu nhất định có thể thông qua hành động hoặc kiềm chế không hành động. Thứ ba, trách nhiệm pháp lý được hiểu là những hậu quả mà một chủ thể phải gánh chịu do hành vi của mình gây ra. Trong khoa học pháp lý, trách nhiệm pháp lý được hiểu theo nghĩa thứ ba, và theo đó:



**Một phiên xét xử của tòa án**

*Trách nhiệm pháp lý là những hậu quả bất lợi được quy định trong phân chế tài của quy phạm pháp luật, do các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc các chủ thể được Nhà nước ủy quyền áp dụng đối với chủ thể có hành vi vi phạm pháp luật.*

- **Đặc điểm của trách nhiệm pháp lý:**

Trách nhiệm pháp lý chỉ xuất hiện khi có hành vi vi phạm pháp luật. Vì trách nhiệm pháp lý là những hậu quả bất lợi nên chỉ những người có hành vi vi phạm pháp luật mới phải gánh chịu những hậu quả đó. Trách nhiệm pháp lý không được áp dụng đối với chủ thể có hành vi trái pháp luật trong các trường hợp sau:

- *Chủ thể không có năng lực trách nhiệm pháp lý.*
- *Không có lỗi của chủ thể khi thực hiện hành vi trái pháp luật, tức là chủ thể không thể thấy trước hoặc không buộc phải thấy trước hậu quả do hành vi của mình gây ra.*
- *Có các tình tiết loại trừ tính nguy hiểm của hành vi như phòng vệ chính đáng hoặc thực hiện hành vi trong tình thế cấp thiết.*

Như vậy, trách nhiệm pháp lý là các biện pháp cưỡng chế của Nhà nước đối với chủ thể có hành vi vi phạm pháp luật. Nhưng không phải mọi biện pháp cưỡng chế của Nhà nước đều là trách nhiệm pháp lý, bởi vì trong nhiều trường hợp biện pháp cưỡng chế có thể được áp dụng ngay cả với các chủ thể chưa có hành vi vi phạm pháp luật như buộc đưa vào cơ sở chữa bệnh, đưa vào trường giáo dưỡng hoặc buộc áp dụng các biện pháp ngăn chặn dịch bệnh lây lan...

Chỉ các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc các chủ thể được Nhà nước ủy quyền mới có quyền truy cứu trách nhiệm pháp lý đối với chủ thể có hành vi vi phạm pháp luật. Trách nhiệm pháp lý được đặt ra để ổn định trật tự xã hội và đảm bảo cho pháp luật được thực hiện nghiêm chỉnh nên phải do các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện. Điều này thể hiện quyền lực Nhà nước trong việc buộc các chủ thể vi phạm pháp luật phải gánh chịu hậu quả bất lợi thông qua các hoạt động như xét xử của Tòa án, xử phạt của cơ quan quản lý Nhà nước... Cơ quan Nhà nước



có thẩm quyền có quyền yêu cầu chủ thể bị truy cứu trách nhiệm pháp lý giải thích về hành vi của mình và đưa ra những hậu quả bất lợi áp dụng đối với họ.

- **Phân biệt trách nhiệm pháp lý và chế tài của quy phạm pháp luật**

Trách nhiệm pháp lý là những hậu quả bất lợi được quy định trong phần chế tài của các quy phạm pháp luật nhưng trách nhiệm pháp lý và chế tài là hai khái niệm khác nhau. Trong thực tế chế tài thường được hiểu theo hai cách. Nếu hiểu chế tài là một bộ phận của quy phạm pháp luật thì khi đó chế tài cùng với giả định và quy định là hình thức biểu hiện của quy phạm pháp luật. Khi đó trách nhiệm pháp lý là một trong các nội dung của quy phạm pháp luật còn chế tài là một yếu tố biểu hiện ra bên ngoài của quy phạm pháp luật.

Tuy nhiên, bên cạnh cách hiểu là một bộ phận của quy phạm pháp luật, trong thực tế chế tài còn được dùng với nghĩa là biện pháp tác động đối với chủ thể vi phạm pháp luật, tức là gần giống như trách nhiệm pháp lý. Chẳng hạn như một người có hành vi vi phạm thì bị áp dụng các biện pháp chế tài. Tuy nhiên, ngay cả trong trường hợp này thì chế tài và trách nhiệm pháp lý vẫn không phải là hai khái niệm đồng nhất. Sự khác biệt giữa chúng thể hiện trên hai điểm cơ bản:

- Thứ nhất, trách nhiệm pháp lý chỉ là một nội dung của chế tài, thể hiện những hậu quả bất lợi mà một chủ thể phải gánh chịu trong khi chế tài bao gồm tất cả những biện pháp tác động đối với chủ thể có hành vi vi phạm pháp luật. Những biện pháp tác động có thể là những hậu quả bất lợi mà chủ thể vi phạm phải gánh chịu (gọi là trách nhiệm pháp lý), cũng có thể là những nghĩa vụ mới phát sinh mà bên vi phạm phải thực hiện theo yêu cầu của bên bị vi phạm... Như vậy, trong trường hợp này trách nhiệm pháp lý là một trong các nội dung được quy định trong phần chế tài của quy phạm pháp luật.
- Thứ hai đó là chế tài có thể do nhiều chủ thể được quyền áp dụng như cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, chủ thể có quyền lợi, nghĩa vụ bị xâm hại (ví dụ như một bên trong hợp đồng có thể áp dụng chế tài phạt hợp đồng đối với bên không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các điều khoản đã thỏa thuận), trong khi đó chỉ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc các chủ thể được Nhà nước ủy quyền (ví dụ tòa án, cơ quan công an, viện kiểm sát...) mới có quyền truy cứu trách nhiệm pháp lý. Tóm lại, theo nghĩa này trách nhiệm pháp lý chỉ là một nội dung của các biện pháp chế tài.

### **5.3.2. Các loại trách nhiệm pháp lý**

- **Dựa vào chủ thể có thẩm quyền truy cứu trách nhiệm pháp lý** thì có hai loại trách nhiệm pháp lý do Tòa án áp dụng (ví dụ như Tòa án tuyên hình phạt tù có thời hạn đối với người có hành vi tham ô, nhận hối lộ...) và trách nhiệm pháp lý do cơ quan quản lý Nhà nước áp dụng (ví dụ Ủy ban nhân dân áp dụng hình thức phạt tiền đối với chủ công trình xây dựng không phép hoặc xây nhà cao quá quy định trong giấy phép xây dựng...).
- **Dựa vào mối quan hệ giữa trách nhiệm pháp lý với các loại vi phạm pháp luật**, theo đó có các loại trách nhiệm pháp lý sau:
  - Trách nhiệm hình sự là loại trách nhiệm pháp lý do Tòa án áp dụng đối với chủ thể có hành vi phạm tội.



Theo quy định của pháp luật hiện hành trách nhiệm hình sự chỉ áp dụng đối với cá nhân có hành vi phạm tội mà không áp dụng đối với tổ chức. Vì tội phạm là những hành vi nguy hiểm nhất được quy định trong Bộ luật Hình sự nên trách nhiệm hình sự được coi là loại trách nhiệm pháp lý nghiêm khắc nhất và chỉ do Tòa án áp dụng. Thông qua hoạt động xét xử, Tòa án sẽ xác định một người có tội hay không và sẽ quyết định áp dụng hình thức trách nhiệm hình sự nào đối với họ.

- Trách nhiệm hành chính là loại trách nhiệm pháp lý do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc chủ thể được Nhà nước trao quyền áp dụng đối với các chủ thể có hành vi vi phạm pháp luật hành chính. Khác với trách nhiệm hình sự, chủ thể vi phạm pháp luật hành chính có thể là cá nhân hoặc tổ chức nên trách nhiệm hành chính có thể được áp dụng đối với cả hai loại chủ thể



**Một phiên xét xử của tòa án**

- Ngoài ra, việc truy cứu trách nhiệm hành chính được trao cho nhiều cơ quan khác nhau, trong đó chủ yếu là cơ quan quản lý hành chính Nhà nước. Bên cạnh đó còn có các cơ quan khác như thẩm phán tòa án nhân dân, chấp hành viên cơ quan thi hành án dân sự... cũng có thẩm quyền áp dụng trách nhiệm hành chính.
- Trách nhiệm kỷ luật là loại trách nhiệm pháp lý do thủ trưởng cơ quan áp dụng đối với cán bộ, công chức, người lao động trong đơn vị có hành vi vi phạm quy định về kỷ luật lao động, học tập, công tác hoặc vi phạm pháp luật đã bị tòa án tuyên là có tội hoặc bị cơ quan có thẩm quyền kết luận bằng văn bản về hành vi vi phạm pháp luật. Chủ thể áp dụng trách nhiệm kỷ luật là những người đứng đầu các cơ quan, đơn vị. Tuy nhiên, những người này chỉ có thẩm quyền áp dụng trách nhiệm kỷ luật đối với các chủ thể thuộc quyền quản lý của tổ chức mà họ là người lãnh đạo.
- Trách nhiệm dân sự là loại trách nhiệm pháp lý do Tòa án hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền áp dụng đối với chủ thể vi phạm pháp luật dân sự. Chẳng hạn, doanh nghiệp bán ra thị trường các loại thực phẩm có hàm lượng hóa chất độc hại cao quá mức cho phép của Bộ Y tế, gây thiệt hại cho người tiêu dùng. Theo yêu cầu của người tiêu dùng, Tòa án truy cứu trách nhiệm dân sự đối với doanh nghiệp, buộc doanh nghiệp phải bồi thường thiệt hại cho người tiêu dùng theo quy định tại Điều 630 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Pháp lệnh bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 1999.

Khác với quan hệ pháp luật hình sự và quan hệ pháp luật hành chính luôn có một bên chủ thể là Nhà nước, trong quan hệ pháp luật dân sự, rất nhiều trường hợp Nhà nước không tham gia với tư cách là một bên chủ thể mà chủ thể chủ yếu của quan hệ này là những tổ chức, cá nhân có năng lực hành vi dân sự. Chính vì vậy, khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền truy cứu trách nhiệm dân sự đối với người có hành vi vi phạm thì Nhà nước đóng vai trò bảo đảm cho việc thực hiện đầy đủ các biện pháp cưỡng chế giữa các bên chủ thể của quan hệ dân sự với nhau chứ không phải là trách nhiệm một bên phải gánh chịu trước Nhà nước như trong quan hệ hình sự và hành chính.

Các loại trách nhiệm pháp lý không tồn tại biệt lập mà có sự hỗ trợ lẫn nhau. Do đó, đối với một hành vi vi phạm pháp luật có thể bị áp dụng đồng thời nhiều loại hình trách nhiệm pháp lý khác nhau. Chẳng hạn như chủ thể có hành vi cố ý gây thương tích cho người khác có thể đồng thời bị truy cứu trách nhiệm hình sự trước Nhà nước đồng thời bị truy cứu trách nhiệm dân sự buộc phải bồi thường thiệt hại đã gây ra cho nạn nhân.

### 5.3.3. Truy cứu trách nhiệm pháp lý

- **Định nghĩa truy cứu trách nhiệm pháp lý**

*Truy cứu trách nhiệm pháp lý là quá trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, các chủ thể được Nhà nước ủy quyền tiến hành xem xét, tìm hiểu hành vi bị coi là vi phạm pháp luật và ra quyết định áp dụng các hậu quả bất lợi đối với chủ thể thực hiện hành vi vi phạm pháp luật cũng như tổ chức thực hiện quyết định đó.*

- **Mục đích truy cứu trách nhiệm pháp lý**

- Mục đích của việc truy cứu trách nhiệm pháp lý là để trừng phạt chủ thể có hành vi vi phạm pháp luật, buộc họ phải gánh chịu những hậu quả bất lợi, những biện pháp cưỡng chế được quy định trong phần chế tài của quy phạm pháp luật.
- Truy cứu trách nhiệm pháp lý còn nhằm mục đích giáo dục, cải tạo chủ thể vi phạm pháp luật.



Hình minh họa

Hai mục đích này phải đi liền với nhau thì việc truy cứu trách nhiệm pháp lý mới đạt hiệu quả cao nhất. Nếu mức độ trừng trị quá nhẹ thì khó có thể cải tạo, giáo dục người có hành vi vi phạm pháp luật, ngược lại nếu mức độ trừng trị quá nặng thì làm mất đi cơ hội để người có hành vi vi phạm trở thành người có ý thức tôn trọng pháp luật, sửa chữa những sai lầm của mình. Ngoài ra, truy cứu trách nhiệm pháp lý còn nhằm mục đích răn đe những chủ thể khác bởi họ biết rằng bất cứ ai cũng có thể bị truy cứu trách nhiệm pháp lý nếu thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

Biện pháp trách nhiệm pháp lý nghiêm khắc nhất là hình phạt áp dụng đối với người thực hiện hành vi phạm tội, nhưng bản thân hình phạt cũng không chỉ hướng đến việc trừng phạt mà vẫn có mục đích cải tạo người phạm tội và ngăn ngừa tội phạm. Điều 27 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định rất rõ vấn đề này, theo đó “*Hình phạt không chỉ nhằm trừng trị người phạm tội mà còn giáo dục họ trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, ngăn ngừa họ phạm tội mới. Hình phạt còn nhằm giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm*”.

- **Cơ sở để truy cứu trách nhiệm pháp lý.** Các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khi thực hiện hoạt động truy cứu trách nhiệm pháp lý phải dựa trên cơ sở thực tiễn và cơ sở pháp lý thì mới bảo đảm được tính chính xác trong việc áp dụng pháp luật.

- Cơ sở thực tiễn đòi hỏi việc truy cứu trách nhiệm pháp lý phải chú ý đến các yếu tố cấu thành vi phạm pháp luật. Việc phân tích các yếu tố cấu thành vi phạm pháp luật có thể là một quá trình đơn giản hoặc phức tạp, tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể nhưng là giai đoạn không thể thiếu trong bất cứ quá trình truy cứu trách nhiệm pháp lý nào. Việc làm này sẽ giúp cơ quan Nhà nước phân biệt được hành vi trái pháp luật với hành vi vi phạm pháp luật, qua đó sẽ tránh được việc áp dụng pháp luật oan sai.
- Cơ sở pháp lý đòi hỏi việc truy cứu trách nhiệm pháp lý phải chú ý đến hai yếu tố sau:
  - *Thứ nhất là chủ thể có thẩm quyền truy cứu trách nhiệm pháp lý.* Pháp luật có quy định cho từng loại chủ thể có thẩm quyền truy cứu trách nhiệm pháp lý đối với từng loại hành vi vi phạm. Chính vì vậy, yếu tố này phải được tính đến trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Chẳng hạn như một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm pháp luật hành chính và các hành vi đó thuộc thẩm quyền xử phạt của nhiều cơ quan khác nhau thì lúc này thẩm quyền xử phạt thuộc về ủy ban nhân dân nơi xảy ra vi phạm mà không thuộc các cơ quan chuyên ngành nữa. Nắm vững quy định về thẩm quyền thì sẽ đảm bảo cho việc truy cứu trách nhiệm pháp lý được thực hiện hợp pháp.
  - *Thứ hai là thời hiệu truy cứu trách nhiệm pháp lý.* Đây là khái niệm để chỉ khoảng thời gian do pháp luật quy định mà khi hết thời hạn đó thì chủ thể vi phạm pháp luật không bị truy cứu trách nhiệm pháp lý nữa. Pháp luật quy định về thời hiệu truy cứu trách nhiệm pháp lý nhằm mục đích đảm bảo cho các vi phạm pháp luật phải được phát hiện, xử lý kịp thời cũng như đảm bảo các yêu cầu về chứng cứ khi áp dụng pháp luật. Mỗi loại trách nhiệm pháp lý khác nhau có thời hiệu truy cứu khác nhau. Chẳng hạn như thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là một năm kể từ ngày vi phạm hành chính được thực hiện. Đối với vi phạm hành chính trong các lĩnh vực như xây dựng, môi trường, nhà ở, đất đai, xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh, buôn lậu, buôn bán hàng giả... thì thời hiệu truy cứu trách nhiệm pháp lý là hai năm kể từ ngày vi phạm hành chính được thực hiện. Trong khi đó, thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự được quy định là “năm năm đối với các tội phạm ít nghiêm trọng; mười năm đối với các tội phạm nghiêm trọng, mười lăm năm đối với các tội phạm rất nghiêm trọng, hai mươi năm đối với các tội phạm đặc biệt nghiêm trọng”. Tuy nhiên, thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự không áp dụng đối với các tội xâm phạm an ninh quốc gia, tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh. Đối với vi phạm pháp luật dân sự, thời hiệu truy cứu trách nhiệm dân sự liên quan đến bồi thường thiệt hại là hai năm kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể bị xâm phạm.

Như vậy, khi truy cứu trách nhiệm pháp lý các cơ quan nhà nước phải chú ý đến các quy định này, nếu không bản thân các cơ quan nhà nước cũng bị coi là vi phạm các quy định pháp luật về thời hiệu.

**TÓM LƯỢC CUỐI BÀI**

- Bài này nghiên cứu các vấn đề về thực hiện pháp luật và chỉ ra các hình thức thực hiện pháp luật trên thực tế, cụ thể là tuân thủ pháp luật, thi hành pháp luật, sử dụng pháp luật và áp dụng pháp luật. Áp dụng pháp luật là một hình thức thực hiện pháp luật đặc thù nên được tách ra nghiên cứu sâu thành một mục riêng, qua đó phân tích đặc điểm của áp dụng pháp luật, các trường hợp áp dụng pháp luật và quá trình áp dụng pháp luật.
- Phần tiếp theo của bài nghiên cứu về vi phạm pháp luật. Khái niệm vi phạm pháp luật chỉ rõ vi phạm pháp luật gồm bốn yếu tố cấu thành là mặt khách quan, mặt chủ quan, chủ thể và khách thể. Mặt khách quan bao gồm hành vi trái pháp luật, hậu quả do hành vi trái pháp luật gây ra và mối quan hệ nhân quả giữa hai yếu tố trên. Trong ba yếu tố này thì hành vi trái pháp luật bắt buộc phải được xác định trong mọi trường hợp vi phạm pháp luật, các yếu tố khác không phải trường hợp nào cũng cần xác định mà phụ thuộc vào quy định của pháp luật.

Mặt chủ quan bao gồm lỗi, động cơ và mục đích phạm tội. Trong ba yếu tố này, lỗi là yếu tố bắt buộc phải xác định vì hành vi trái pháp luật không có lỗi thì không bị coi là vi phạm pháp luật. Có hai loại lỗi là lỗi cố ý và lỗi vô ý. Từng loại lỗi lại có những biến thể của nó, bao gồm lỗi cố ý trực tiếp và lỗi cố ý gián tiếp, lỗi vô ý do cẩu thả và lỗi vô ý do quá tự tin.

Chủ thể của vi phạm pháp luật là những cá nhân, tổ chức có năng lực trách nhiệm pháp lý.

Khách thể của vi phạm pháp luật là những quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ nhưng bị hành vi trái pháp luật xâm hại.

Hành vi có đầy đủ bốn yếu tố nói trên thì coi là cấu thành vi phạm pháp luật. Chủ thể có hành vi vi phạm pháp luật phải chịu trách nhiệm pháp lý, tức là phải gánh chịu những hậu quả bất lợi từ phía cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc từ các chủ thể được Nhà nước ủy quyền. Có bốn loại trách nhiệm pháp lý bao gồm trách nhiệm hình sự, trách nhiệm hành chính, trách nhiệm kỷ luật và trách nhiệm dân sự.

- Khi các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ra quyết định áp dụng hậu quả bất lợi và tổ chức thực hiện quyết định đó trên thực tế thì gọi là truy cứu trách nhiệm pháp lý. Việc truy cứu trách nhiệm pháp lý phải dựa trên cơ sở thực tiễn (tức là xác định các yếu tố cấu thành vi phạm pháp luật) và cơ sở pháp lý (tức là xác định cơ quan có thẩm quyền cũng như thời hiệu truy cứu trách nhiệm pháp lý).



**CÂU HỎI THƯỜNG GẶP**

1. Hành vi trái pháp luật có phải là hành vi vi phạm pháp luật không?
2. Cho một số ví dụ về hoạt động áp dụng pháp luật?
3. Quyết định của Bộ Giáo dục và đào tạo về các môn thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm học 2009-2010 là văn bản áp dụng pháp luật cho năm học đó.
4. Thực hiện pháp luật là một hình thức áp dụng pháp luật, làm cho pháp luật được thi hành trên thực tế.
5. Khi xem xét hành vi vi phạm pháp luật có bắt buộc phải xem xét yếu tố lỗi hay không?
6. So sánh lỗi cố ý gián tiếp và lỗi vô ý do quá tự tin?

**CÂU HỎI CUỐI BÀI**

1. Phân tích khái niệm thực hiện pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật?
2. Phân tích các trường hợp áp dụng pháp luật
3. Phân tích quy trình áp dụng pháp luật?
4. Phân tích khái niệm áp dụng pháp luật tương tự?
5. Khi nào một hành vi thực tế bị coi là vi phạm pháp luật?
6. Lỗi là gì? Phân tích các loại lỗi trong vi phạm pháp luật?
7. Phân tích khái niệm trách nhiệm pháp lý?
8. Phân tích các điều kiện để truy cứu trách nhiệm pháp lý?

**CÂU HỎI THẢO LUẬN**

1. Chủ thể thực hiện hành vi trái pháp luật thì phải chịu trách nhiệm pháp lý.
2. Mỗi điều luật là một quy phạm pháp luật.
3. Mọi văn bản quy phạm pháp luật đều có hiệu lực thi hành trên phạm vi toàn quốc.
4. Năng lực pháp luật và năng lực hành vi của một chủ thể không xuất hiện cùng lúc.
5. Nếu không có hành vi vi phạm pháp luật thì quan hệ pháp luật không phát sinh.
6. Văn bản luật và văn bản dưới luật khác nhau ở chỗ văn bản luật có phạm vi tác động lớn, văn bản dưới luật chỉ có phạm vi tác động ở một địa phương nhất định.
7. Chỉ Quốc hội mới có quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
8. Hình thức tập quán pháp không được áp dụng ở Việt Nam.
9. Chủ thể thực hiện hành vi vi phạm pháp luật chỉ bị truy cứu trách nhiệm pháp lý khi và chỉ khi hành vi đó đã gây ra thiệt hại thực tế.
10. Trách nhiệm pháp lý là các hậu quả bất lợi do cơ quan quản lý Nhà nước áp dụng đối với chủ thể có hành vi vi phạm pháp luật.

11. Theo quy định của Hiến pháp năm 1992, Chủ tịch nước là nguyên thủ quốc gia và là một bộ phận của cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất – Quốc hội.
12. Cơ quan Nhà nước ở Việt Nam theo Hiến pháp năm 1992 bao gồm cơ quan quyền lực Nhà nước, cơ quan quản lý (hành chính) Nhà nước, cơ quan xét xử và cơ quan kiểm sát.
13. Ủy ban nhân dân là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân cùng cấp.
14. Ngân hàng nhà nước Việt Nam là cơ quan thuộc Chính phủ.
15. Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do nhân dân trực tiếp bầu ra.
16. Chánh án tòa án nhân dân tối cao do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm.
17. Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân là các cơ quan tư pháp ở Việt Nam.
18. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao do Quốc hội bầu ra trong số các đại biểu Quốc hội.
19. Tòa án ở Việt Nam được tổ chức theo mô hình ba cấp: Cấp huyện, cấp tỉnh và cấp tối cao.
20. Văn bản pháp luật là văn bản quy phạm pháp luật.
21. Hoạt động xét xử ở Việt Nam được tổ chức theo mô hình ba cấp: Cấp huyện, cấp tỉnh và cấp tối cao.
22. Cá nhân từ đủ 18 tuổi trở lên và không bị hạn chế khả năng nhận thức là chủ thể của mọi quan hệ pháp luật.
23. Văn bản áp dụng pháp luật là văn bản pháp luật có thể được áp dụng cho nhiều đối tượng và nhiều lần trên thực tế.
24. Pháp luật là công cụ cần thiết để duy trì trật tự xã hội vì vậy xã hội không thể tồn tại nếu thiếu pháp luật.
25. Nhà nước không thể là chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự.
26. Thực hiện pháp luật là một hình thức áp dụng pháp luật, làm cho pháp luật được thi hành trên thực tế.
27. Lỗi là yếu tố bắt buộc phải xác định khi xem xét hành vi vi phạm pháp luật.
28. Cơ quan quyền lực Nhà nước có quyền ban hành tất cả các loại văn bản pháp luật.
29. Mọi hành vi vi phạm pháp luật đều là do chủ thể của hành vi đã không tuân thủ pháp luật.
30. Pháp luật Việt Nam chỉ điều chỉnh các quan hệ xã hội mà chủ thể là công dân Việt Nam.
31. Chủ thể của quan hệ pháp luật phải là người thành niên.
32. A đánh B và bị Tòa án tuyên phạt 3 năm tù giam về tội cố ý gây thương tích và buộc A bồi thường cho B 10 triệu đồng. Vậy, A đã phải chịu trách nhiệm hình sự đối với B.
33. Sở Kế hoạch đầu tư cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh cho doanh nghiệp là hoạt động áp dụng pháp luật.
34. Hành vi trái pháp luật là hành vi vi phạm pháp luật.
35. Quyết định của Bộ Giáo dục và đào tạo về các môn thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm học 2007 – 2008 là văn bản áp dụng pháp luật cho năm học đó.